

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

**Quy định chi tiết việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của
thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam**

Thông tư số 28/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2012, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 42/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020;

Thông tư số 08/2024/TT-BCT ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 6 năm 2024.

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 44/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 189/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh với hàng hóa nước ngoài.

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định chi tiết việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam như sau:¹

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định việc cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.

2. Thông tư này áp dụng với thương nhân nước ngoài thuộc các nước, vùng lãnh thổ là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới WTO và các nước, vùng lãnh thổ có thỏa thuận song phương với Việt Nam về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.

3. Thông tư này không điều chỉnh hoạt động kinh doanh tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của thương nhân nước có chung đường biên giới.

Điều 2. Thực hiện quyền xuất khẩu

1. Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là thương nhân không hiện diện) đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện quyền xuất khẩu như sau:

¹ Thông tư số 42/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành."

Thông tư số 08/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực xuất nhập khẩu có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực xuất nhập khẩu."

a) Được xuất khẩu các mặt hàng không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, danh mục hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, danh mục hàng hóa không được quyền xuất khẩu theo cam kết quốc tế. Đối với hàng hóa xuất khẩu có điều kiện phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;

b) Đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu theo lộ trình trong các cam kết quốc tế, thực hiện theo lộ trình cam kết;

c) Được trực tiếp làm thủ tục xuất khẩu hàng hóa tại cơ quan Hải quan theo quy định của pháp luật trên cơ sở hợp đồng mua hàng ký với thương nhân Việt Nam;

d) Mặt hàng xuất khẩu phải phù hợp với nội dung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

2. Thương nhân không hiện diện chỉ được trực tiếp mua hàng hóa của thương nhân Việt Nam có đăng ký kinh doanh hoặc có quyền xuất khẩu hoặc quyền phân phối hàng hóa đó để xuất khẩu; không được tổ chức mạng lưới mua gom hàng hóa tại Việt Nam để xuất khẩu, bao gồm việc mở địa điểm để mua gom hàng hóa xuất khẩu, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Điều 3. Thực hiện quyền nhập khẩu

1. Thương nhân không hiện diện đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện quyền nhập khẩu như sau:

a) Được nhập khẩu các mặt hàng không thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, danh mục hàng hóa tạm ngừng nhập khẩu, danh mục hàng hóa không được quyền nhập khẩu theo cam kết quốc tế. Đối với hàng hóa nhập khẩu có điều kiện phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;

b) Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu theo lộ trình trong các cam kết quốc tế, thực hiện theo lộ trình cam kết;

c) Được trực tiếp làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa tại cơ quan Hải quan theo quy định của pháp luật trên cơ sở hợp đồng bán hàng ký với thương nhân Việt Nam;

d) Mặt hàng nhập khẩu phải phù hợp với nội dung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

2. Thương nhân không hiện diện chỉ được trực tiếp bán hàng nhập khẩu cho các thương nhân Việt Nam có đăng ký kinh doanh hoặc có quyền phân phối hàng hóa đó, không được tổ chức hoặc tham gia hệ thống phân phối hàng hóa tại Việt

Nam, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Chương II

HỒ SƠ, THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU

Điều 4. Thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn

1. Thương nhân không hiện diện gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu²) để được xem xét cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

2. Thời hạn cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn Giấy chứng nhận quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định số 90/2007/NĐ-CP).

3. Thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu là 05 (năm) năm.

Điều 5. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện theo Mẫu MĐ-1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản chính Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài nơi thương nhân đăng ký thành lập về việc thương nhân không hiện diện không bị tước quyền hoạt động thương mại hoặc đang chịu các hình phạt liên quan đến hoạt động thương mại theo quy định của pháp luật nước ngoài nơi thương nhân nước ngoài thành lập;

² Cụm từ “Vụ Xuất nhập khẩu” được thay thế bởi cụm từ “Cục Xuất nhập khẩu” theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 08/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 6 năm 2024.

c) Bản chính Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài nơi thương nhân đăng ký thành lập về việc thương nhân không hiện diện không có tiền án, không bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự đối với thương nhân không hiện diện là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật đối với thương nhân không hiện diện là tổ chức kinh tế;

d) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương đối với thương nhân là tổ chức kinh tế; bản sao có chứng thực giấy chứng minh thư, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thương nhân là cá nhân;

đ) Bản sao có chứng thực báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc nghĩa vụ tài chính trong năm tài chính gần nhất do cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc các văn bản khác do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận sự tồn tại và hoạt động thực sự của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất theo quy định của pháp luật nước đó;

e) Bản chính văn bản xác nhận vốn kinh doanh, sổ tài khoản tại ngân hàng nơi thương nhân nước ngoài thành lập;

g) Văn bản thỏa thuận giữa người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam với thương nhân không hiện diện, nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại;

h) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức kinh tế đại diện cho thương nhân không hiện diện tại Việt Nam hoặc bản sao có chứng thực chứng minh thư, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với người đại diện là cá nhân.

3. Các giấy tờ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản 2 Điều này phải được dịch sang tiếng Việt và hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trường hợp văn bản quy định tại điểm g khoản 2 Điều này bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc hợp pháp hóa lãnh sự.

Điều 6. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

1. Khi sửa đổi, bổ sung một trong những nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, thương nhân không hiện diện phải thông báo cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận và đồng thời phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu bao gồm:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện theo Mẫu MĐ-2, MĐ-3 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu đã được cấp. Trong trường hợp Bản gốc bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy thì thương nhân không hiện diện phải xuất trình Bản sao có chứng thực hoặc xác nhận của cơ quan chức năng;

c) Bản chính Giấy xác nhận của cơ quan thuế Việt Nam về việc thương nhân không hiện diện đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, tài chính với Nhà nước Việt Nam tính đến thời điểm thương nhân không hiện diện xin sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu;

d) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương đối với thương nhân là tổ chức kinh tế; bản sao có chứng thực giấy chứng minh thư, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thương nhân là cá nhân;

đ) Bản sao có chứng thực tài liệu pháp lý chứng minh sự thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

3. Các giấy tờ quy định tại điểm d và đ khoản 2 Điều này phải được dịch sang tiếng Việt và hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 7. Hồ sơ gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

1. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện theo Mẫu MĐ-4 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu đã được cấp hoặc Bản sao có chứng thực trong trường hợp Bản gốc bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy;

c) Bản sao có chứng thực báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc nghĩa vụ tài chính trong năm tài chính gần nhất do cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc các văn bản khác được tổ chức độc lập, có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận

chứng minh sự tồn tại và hoạt động thực sự của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất theo quy định của pháp luật nước đó;

d) Báo cáo về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu đến thời điểm đề nghị gia hạn, trên cơ sở tổng hợp các báo cáo hoạt động định kỳ hàng năm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này;

đ) Bản chính Giấy xác nhận của cơ quan thuế Việt Nam về việc thương nhân không hiện diện đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, tài chính với Nhà nước Việt Nam tính đến thời điểm thương nhân không hiện diện xin gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

2. Các giấy tờ quy định tại điểm c và d khoản 1 Điều này phải được dịch sang tiếng Việt và hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Sau khi hết thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu đã được gia hạn, nếu thương nhân không hiện diện vẫn có nhu cầu đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thì phải làm thủ tục đăng ký gia hạn như quy định về hồ sơ và thủ tục gia hạn lần đầu nêu trên.

Điều 8. Gia hạn và sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

Trong trường hợp thương nhân không hiện diện đề nghị gia hạn đồng thời với việc sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, hồ sơ đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung thực hiện theo các quy định tại Điều 6 và Điều 7 Thông tư này, trong đó Đơn đề nghị gia hạn và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện theo Mẫu MĐ-5 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Chấm dứt quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu tại Việt Nam

1. Việc chấm dứt quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu tại Việt Nam của thương nhân không hiện diện thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP.

2. Thương nhân không hiện diện chấm dứt quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP phải gửi văn bản tới Bộ Công Thương thông báo về việc dự kiến chấm dứt hoạt động của thương nhân không hiện diện theo Mẫu TB Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 10. Thu hồi Giấy chứng nhận quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

Thương nhân không hiện diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP.

Chương III

TRÁCH NHIỆM THÔNG BÁO VÀ BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI KHÔNG CÓ HIỆN DIỆN TẠI VIỆT NAM

Điều 11. Thông báo hoạt động

1. Sau khi được cấp, sửa đổi, bổ sung gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, thương nhân không hiện diện phải thực hiện việc công bố công khai nội dung được cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký của mình trên các phương tiện thông tin đại chúng phổ biến theo quy định tại khoản 3 Điều 9, khoản 4 Điều 12, khoản 6 Điều 13 Nghị định 90/2007/NĐ-CP.

2. Các phương tiện thông tin đại chúng phổ biến bao gồm báo hình, báo tiếng, báo mạng, báo in được phát hành toàn quốc tại Việt Nam.

Điều 12. Báo cáo hoạt động định kỳ và đột xuất

1.³ Báo cáo hoạt động định kỳ hằng năm của thương nhân không hiện diện phải là báo cáo tài chính có kiểm toán và thực hiện theo Mẫu BC Phụ lục I, ban hành kèm theo Thông tư này. Báo cáo phải được dịch sang tiếng Việt và được hợp pháp hóa lãnh sự hoặc công chứng Việt Nam xác nhận. Báo cáo được gửi về Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương qua dịch vụ bưu chính chậm nhất là ngày 31 tháng 3 hằng năm của năm tiếp theo.

2. Thương nhân không hiện diện có trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo theo yêu cầu của Bộ Công Thương khi cần thiết để phục vụ công tác quản lý nhà nước. Thông tin, báo cáo phải được gửi tới Bộ Công Thương trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn yêu cầu của Bộ Công Thương.

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 21 của Thông tư số 42/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020.

3. Chế độ báo cáo tài chính khác, chế độ báo cáo thống kê của thương nhân không hiện diện được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Xuất nhập khẩu⁴ chịu trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện việc cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu hàng hóa cho thương nhân không hiện diện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP và hướng dẫn của Thông tư này.

2. Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu cấp cho thương nhân không hiện diện sẽ được lập thành 03 (ba) bản để gửi cho thương nhân không hiện diện (01 bản); lưu tại Bộ Công Thương (01 bản); gửi Tổng cục Hải quan để phối hợp quản lý (01 bản).

3. Cục Thương mại Điện tử và Công nghệ Thông tin, Bộ Công Thương chịu trách nhiệm triển khai xây dựng, thực hiện phần mềm quản lý thông tin về thương nhân không hiện diện và phối hợp với Cục Xuất nhập khẩu⁵ trong việc cập nhật, công khai trên website của Bộ Công Thương tại địa chỉ <http://www.moit.gov.vn> về số liệu thống kê và các thông tin có liên quan trong quá trình thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với thương nhân không hiện diện.

4. Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu áp dụng đối với thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam thực hiện theo Quyết định số 108/2007/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu áp dụng đối với thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.

⁴ Cụm từ “Vụ Xuất Nhập khẩu” được thay thế bởi cụm từ “Cục Xuất nhập khẩu” theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 08/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 6 năm 2024.

⁵ Cụm từ “Vụ Xuất Nhập khẩu” được thay thế bởi cụm từ “Cục Xuất nhập khẩu” theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 08/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 6 năm 2024.

Điều 14. Hiệu lực thi hành⁶

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2012. *h*

BỘ CÔNG THƯƠNGSố: **08** /VBHN-BCT**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**Hà Nội, ngày **06** tháng **6** năm 2024**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Văn Phòng Bộ (để đăng Website BCT);
- Vụ PC (để đăng CSDLQG về VBPL);
- Lưu: VT, XNK.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Sinh Nhật Tân**

⁶ Điều 37 của Thông tư số 42/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020 quy định như sau:

“Điều 37. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020.

2. Bãi bỏ các quy định sau:

a) Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 33/2016/TT-BCT ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2015/TT-BCT ngày 28 tháng 10 năm 2015 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh.

b) Điều 4 Thông tư số 51/2018/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn.

c) Khoản 20 Điều 1 Thông tư số 31/2018/TT-BCT ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2013 quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện.

d) Điều 29 Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực

3. Các chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực Công Thương hiện hành phải đảm bảo thời gian chốt số liệu báo cáo theo quy định tại Điều 12 của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương để được hướng dẫn, giải quyết./.

Điều 5 của Thông tư số 08/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 6 năm 2024 quy định như sau:

“Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 6 năm 2024.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có phát sinh vướng mắc, thương nhân, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Bộ Công Thương để được xử lý./.”

PHỤ LỤC I

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN GIẤY
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU,
MẪU THÔNG BÁO DỰ KIẾN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ MẪU BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI KHÔNG CÓ HIỆN DIỆN
TẠI VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 28 /2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ
Công Thương)*

**Mẫu MD-1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu,
quyền nhập khẩu**

Địa điểm, ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT
KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU**

Kính gửi: Bộ Công Thương

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):.....

Quốc tịch của thương nhân:.....

Địa chỉ:

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:.....cấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)
.....

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:.....tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website (nếu có):.....

Đại diện theo pháp luật:(đại diện theo thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Tóm tắt quá trình hoạt động của thương nhân:

.....

.....

**Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu tại Việt Nam đối
với nội dung cụ thể như sau:**

Tên giao dịch của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam:.....

Tên viết tắt (nếu có):

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....

Nhóm hàng đăng ký xuất khẩu¹.....

Nhóm hàng đăng ký nhập khẩu².....

Người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Họ và tên:

¹ Mỗi nhóm hàng xuất khẩu bao gồm các mặt hàng thuộc một chương của biểu thuế

² Mỗi nhóm hàng nhập khẩu bao gồm các mặt hàng thuộc một chương của biểu thuế

Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website (nếu có):.....

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)³

³ Dấu áp dụng đối với thương nhân là tổ chức

Mẫu MĐ-2. Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

Địa điểm, ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU**

Kính gửi: Bộ Công Thương

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/dăng ký kinh doanh):.....

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):.....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....

Địa chỉ liên lạc tại nước sở tại: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố):.....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện theo thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Họ và tên:

Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố):.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website (nếu có):.....

Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

Số:.....

Do: cấp ngày tháng năm tại

Số tài khoản ngoại tệ.....tại ngân hàng.....

Số tài khoản tiền Việt Nam.....tại ngân hàng.....

Điện thoại:Fax:.....

Email.....Website (nếu có):.....

Chúng tôi đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu tại Việt Nam đối với nội dung cụ thể như sau:

Nội dung điều chỉnh:.....

Lý do điều chỉnh:.....

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)⁴

⁴ Dấu áp dụng đối với thương nhân là tổ chức

**Mẫu MD-3. Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu,
quyền nhập khẩu**

Địa điểm, ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT
KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU**

Kính gửi: Bộ Công Thương

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/dăng ký kinh doanh):.....

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):.....

Quốc tịch của thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/dăng ký kinh doanh)

.....

Giấy phép thành lập/dăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website (nếu có):.....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện theo thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Tên thương nhân (ghi theo tên trên Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu):.....

Tên viết tắt thương nhân (nếu có):.....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....

Địa chỉ liên lạc tại nước sở tại: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố):.....

Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu số:.....

Do..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Ngày hết hạn:.....

Số tài khoản ngoại tệ:..... Tại Ngân hàng:.....

Số tài khoản tiền Việt Nam:..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website (nếu có):.....

Nội dung hoạt động của thương nhân: (ghi cụ thể lĩnh vực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu):.....

Người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam:

Họ và tên:

Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố):.....

Điện thoại:.....Fax:.....
Email:.....Website (nếu có):.....

Chúng tôi đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu tại Việt Nam đối với nội dung cụ thể như sau:

.....
.....

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)⁵

⁵ Dấu áp dụng đối với thương nhân là tổ chức

Mẫu MD-4. Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

Địa điểm, ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU**

Kính gửi: Bộ Công Thương

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/dăng ký kinh doanh)

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):.....

Quốc tịch của thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/dăng ký kinh doanh)

Giấy phép thành lập (dăng ký kinh doanh) số:.....

do..... cấp ngày... tháng... năm... Tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website (nếu có):.....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Tên thương nhân (ghi theo tên trên Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu).....

Tên viết tắt (nếu có):.....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....

Địa chỉ liên lạc tại nước sở tại: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu số:.....

Do..... cấp ngày... tháng... năm... tại.....

Ngày hết hạn:.....

Số tài khoản ngoại tệ:..... Tại Ngân hàng:.....

Số tài khoản tiền Việt Nam:..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website: (nếu có).....

Nội dung hoạt động của thương nhân: (ghi cụ thể lĩnh vực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu).....

Người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam:

Họ và tên:

Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website (nếu có):.....

Chúng tôi đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu với nội dung cụ thể như sau:

1. Lý do đề nghị gia hạn:.....

2. Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm:.....

Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)⁶

⁶ Dấu áp dụng đối với thương nhân là tổ chức

Mẫu MD-5. Đơn đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

Địa điểm, ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU

Kính gửi: Bộ Công Thương

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/dăng ký kinh doanh):.....

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):.....

Quốc tịch của thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/dăng ký kinh doanh)

.....

Giấy phép thành lập/dăng ký kinh doanh số:.....

do:.....cấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:.....tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website (nếu có):.....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện theo thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Tên thương nhân (ghi theo tên trên Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu):.....

Tên viết tắt (nếu có):

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

Địa chỉ liên lạc tại nước sở tại: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố):.....

Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu số:.....

Docấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Ngày hết hạn:.....

Số tài khoản ngoại tệ:.....tại Ngân hàng:.....

Số tài khoản tiền Việt Nam:.....tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website: (nếu có):.....

Nội dung hoạt động của thương nhân: (ghi cụ thể lĩnh vực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu):.....

Người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam:

Họ và tên:

Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố):.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website (nếu có):.....

Chúng tôi đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập với nội dung cụ thể như sau:

1. Lý do đề nghị gia hạn:.....
2. Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm:.....
3. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....
4. Nội dung điều chỉnh:.....

Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, nhập khẩu.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)⁷

⁷ Dấu áp dụng đối với thương nhân là tổ chức

Mẫu TB. Thông báo dự kiến chấm dứt hoạt động của Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam

Địa điểm, ngày tháng năm

THÔNG BÁO DỰ KIẾN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI KHÔNG CÓ HIỆN DIỆN TẠI VIỆT NAM
(ghi tên theo Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu)

Kính gửi: Bộ Công Thương

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/dăng ký kinh doanh):.....

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):.....

Quốc tịch của thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/dăng ký kinh doanh).....

Người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam:

Họ và tên:

Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website (nếu có):.....

Thông báo dự kiến chấm dứt hoạt động của:

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên thương nhân trong Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu):.....

Tên viết tắt (nếu có):

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa theo tên giao dịch bằng tiếng Anh trong đơn đề nghị)

Tên viết tắt (nếu có):.....

Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu số:

Do:.....cấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Thời hạn hoạt động: từ ngày... tháng... năm... đến ngày.....tháng.....năm.....

Thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động: ngày... tháng... năm ...

Lý do chấm dứt hoạt động:.....

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung thông báo này.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)⁸

⁸ Dấu áp dụng đối với thương nhân là tổ chức

**Mẫu BC. Báo cáo hoạt động của Thương nhân nước ngoài
không có hiện diện tại Việt Nam**

Địa điểm, ngày tháng năm

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI KHÔNG CÓ HIỆN
DIỆN TẠI VIỆT NAM**
(Năm.....)

Kính gửi: Bộ Công Thương

Tên thương nhân: (ghi rõ tên theo Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu) xin báo cáo hoạt động của chúng tôi trong thời gian từ ngày ... tháng ... năm... đến ngày.. tháng... năm..., với nội dung như sau:

I. Tên Thương nhân nước ngoài

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên thương nhân trong Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu):.....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên giao dịch bằng tiếng Anh trong Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu):

.....
Tên thương nhân viết tắt (nếu có):.....

Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu số:
.....

Do.....cấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Thời hạn hoạt động: từ ngày... tháng... năm... đến ngày.....tháng.....năm...

Địa chỉ trụ sở chính của thương nhân (ghi theo Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương):

Điện thoại:.....Fax:.....

Email: (nếu có).....

Số tài khoản ngoại tệ:.....tại Ngân hàng:.....

Số tài khoản tiền Việt Nam:.....tại Ngân hàng:.....

Người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Họ và tên:

Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện. tỉnh/thành phố):

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website (nếu có):.....

II. Hoạt động của Thương nhân

1. Nội dung hoạt động của Thương nhân (ghi cụ thể theo Giấy đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu):.....

2. Tình hình hoạt động thực tế trong năm:

STT	Nội dung hoạt động	Đối tác	Mặt hàng	Trị giá USD		Dự báo năm tiếp theo	Thị trường (nước)	Ghi chú
				Ký kết	Thực hiện			
A1								
B1 ...								

III. Đánh giá chung về tình hình hoạt động trong năm của thương nhân và kiến nghị, đề xuất:

1. Đánh giá chung
2. Kiến nghị, đề xuất

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và tính chính xác của nội dung báo cáo.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)⁹


⁹ Dấu áp dụng đối với thương nhân là tổ chức

PHỤ LỤC II

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI KHÔNG CÓ HIỆN DIỆN TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28 /2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Trang bìa¹⁰

<p style="text-align: center;">BỘ CÔNG THƯƠNG</p>  <p style="text-align: center;">GIẤY CHỨNG NHẬN</p> <p style="text-align: center;">ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI KHÔNG CÓ HIỆN DIỆN TẠI VIỆT NAM</p> <p style="text-align: center;">Số.....</p>
--

¹⁰ Bìa cứng, kích thước khổ A3 gấp đôi, nền màu đỏ, chữ và quốc huy vàng.

15

3. Trang thứ 2¹²

Điều 3. Người đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (ghi theo Đơn đề nghị)

Họ và tên:
Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....
Điện thoại:.....Fax:.....
Email:.....Website (nếu có):.....

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của thương nhân nước ngoài

Họ và tên: (ghi bằng chữ in hoa).....Giới tính:.....
Quốc tịch:.....
Hộ chiếu/chứng minh nhân dân số:.....
do:.....Cấp ngày... tháng... năm..... tại.....

Điều 5. Ngành hàng kinh doanh của thương nhân nước ngoài

1. Nhóm hàng xuất khẩu:.....
2. Nhóm hàng nhập khẩu:.....

Điều 6. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

Giấy chứng nhận này có thời hạn hiệu lực 05 (năm) năm, kể từ ngày được cấp.

Điều 7. Giấy chứng nhận này được lập thành 03 (ba) bản gốc: 01 (một) bản cấp cho:... (tên thương nhân nước ngoài theo đơn đề nghị); 01 (một) bản lưu tại Bộ Công Thương; 01 (một) bản gửi Tổng cục Hải quan./.

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ của người ký)

¹² Bìa cứng, kích thước khổ A4, nền hoa văn chìm màu vàng, chữ đen; in hai mặt

PHỤ LỤC III

HƯỚNG DẪN CÁCH GHI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI KHÔNG CÓ HIỆN DIỆN TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28 /2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ Công Thương)

I. Hướng dẫn cách ghi một số chi tiết trên Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

1. Điện thoại, fax trong nước: ghi mã (code) theo thứ tự: tỉnh/thành phố, số thuê bao, ví dụ về ghi số điện thoại tại Hà Nội: **04.8325909**

2. Điện thoại, fax nước ngoài: ghi mã (code) theo thứ tự: nước. vùng. Số thuê bao, tiếng mã vùng ghi theo thứ tự đơn vị hành chính từ lớn đến nhỏ nếu quốc gia đó có quy định, ví dụ về ghi số điện thoại tại Tokyo: **81. 3. 32373576**

3. Giới tính: trong trường hợp in trang ruột qua máy vi tính thì in nghiêng, đậm; ví dụ giới tính là nam, in như sau: **Nam.**

4. Cấp lần đầu: ngày... tháng... năm... : tất cả các Giấy chứng nhận phải ghi rõ thông tin này, ví dụ cấp Giấy chứng nhận lần đầu ngày 01/02/2007 thì trên Giấy chứng nhận ghi như sau:

Cấp lần đầu: ngày 01 tháng 02 năm 2001

5. Cấp lại lần...: ngày... tháng... năm...: ghi số thứ tự và ngày tháng của lần cấp lại gần nhất, ví dụ cấp Giấy chứng nhận lần đầu ngày 01/02/2012, cấp lại Giấy chứng nhận lần thứ nhất ngày 15/02/2012 và cấp lại lần 2 ngày 30/6/2012 thì trên Giấy chứng nhận ghi:

Cấp lần đầu: ngày 01 tháng 02 năm 2012

Cấp lại lần 2: ngày 30 tháng 6 năm 2012

6. Điều chỉnh lần...: ngày... tháng... năm...: ghi số thứ tự và ngày tháng của lần điều chỉnh gần nhất, ví dụ cấp Giấy chứng nhận lần đầu vào ngày 01/02/2012, cấp lại Giấy chứng nhận lần thứ nhất ngày 15/02/2012, điều chỉnh Giấy chứng nhận lần thứ nhất ngày 30/4/2007 và điều chỉnh Giấy chứng nhận lần thứ 2 ngày 25/6/2012 thì trên Giấy chứng nhận ghi:

Cấp lần đầu: ngày 01 tháng 02 năm 2012

Điều chỉnh lần 2: ngày 25 tháng 6 năm 2012

Cấp lại lần 1: ngày 15 tháng 02 năm 2012

7. Gia hạn lần...: ngày... tháng... năm...: ghi số thứ tự và ngày tháng của lần gia hạn gần nhất, ví dụ cấp Giấy chứng nhận lần đầu vào ngày 01/02/2012, cấp lại Giấy chứng nhận lần thứ nhất ngày 15/02/2012, điều chỉnh Giấy chứng nhận lần thứ nhất ngày 30/4/2012 và điều chỉnh Giấy chứng nhận lần thứ 2 ngày 25/6/2012, gia hạn lần thứ nhất ngày 01/5/2013 và gia hạn lần thứ 2 ngày 01/7/2013 thì trên Giấy chứng nhận ghi:

Cấp lần đầu: ngày 01 tháng 02 năm 2012

Điều chỉnh lần 2: ngày 25 tháng 6 năm 2012

Gia hạn lần 2: ngày 01 tháng 7 năm 2013

Cấp lại lần 1: ngày 15 tháng 02 năm 2012

II. Hướng dẫn ghi Phong (font) chữ, cỡ chữ, kiểu chữ trên Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

TT	Thành phần thể thức	Phông (font) chữ	Cỡ chữ	Kiểu chữ	Ví dụ
1	Trang bìa: Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Times new Roman Times new Roman	- -	Đậm, in hoa Đậm, in hoa	GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI KHÔNG CÓ HIỆN DIỆN TẠI VIỆT NAM
2	Tiêu đề	Times new Roman	13	Đậm, in hoa	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
3	Số Giấy chứng nhận	Times new Roman	13	Đậm và nghiêng	Số: 01-000010
4	Ngày cấp	Times new Roman	10	Thường và nghiêng	<i>Cấp lần đầu: ngày... tháng... năm...</i> <i>Điều chỉnh lần...: ngày... tháng... năm...</i>
5	Tên cơ quan cấp	Times new Roman	13	Đậm, in hoa	BỘ CÔNG THƯƠNG
6	Tên Giấy chứng nhận	Times new Roman	13	Đậm, in hoa	GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN XUẤT KHẨU, QUYỀN NHẬP KHẨU CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI KHÔNG CÓ HIỆN DIỆN TẠI VIỆT NAM
7	Các nội dung ghi sẵn trên mẫu	Times new Roman	13	Thường	Tên thương nhân nước ngoài:..... Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....
8	Điều	Times new Roman	13	Đậm	Điều 1.
9	Thẻ thức để ký	Times new Roman	13	Đậm, in hoa	GIÁM ĐỐC
10	Họ tên người ký	Times new Roman	13	Đậm	Nguyễn Văn A